

Bản án số: **128/2025/DS – ST**  
Ngày: 30 - 7 - 2025  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Kiều Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Vân Anh

2. Ông Đặng Tấn Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị An Thành – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hồng Dân – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Minh Công T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số F đường T, Phường A, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983; Địa chỉ: Căn hộ S Block B, số H đường A, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

*(tại phiên tòa: Ông T có mặt; bà N vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Minh Công T trình bày như sau:

Ngày 12/3/2024, bà Nguyễn Thị Hồng N có nhờ ông vay mượn giúp 300.000.000 đồng để xử lý công việc và hứa trả sau 10 ngày kể từ ngày nhận tiền vào tài khoản nhưng sau đó bà N thất hứa.

Sau nhiều lần hứa hẹn thì ngày 02/11/2024 bà N có ký Xác nhận mượn tiền (không ghi ngày tháng năm) với ông và cam kết vào ngày 05/11/2024 sẽ hoàn trả

ông số tiền 300.000.000 đồng nhưng cho đến nay bà N vẫn không trả cho ông khoản tiền nào.

Nay, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc một mình bà Nguyễn Thị Hồng N trả lại cho ông số tiền gốc còn nợ là 300.000.000 đồng (theo Xác nhận mượn tiền mà hai bên đã ký). Yêu cầu trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ông không yêu cầu bà N trả tiền lãi.

Đối với việc ông đứng ra mượn số tiền 300.000.000 đồng của anh C và ông phải giao xe cho anh C để làm tin thì ông sẽ tự giải quyết với anh C, đề nghị Toà án không đưa anh C vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Đây là việc cho vay mượn tiền của cá nhân ông, vợ của ông là bà Trần Nguyễn Phương A, sinh năm 1991 không liên quan đến nên ông yêu cầu Toà án không triệu tập vợ ông đến toà để tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Toà án tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập; thông báo thu lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham dự phiên toà; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên toà nhưng bị đơn không có ý kiến đối với các văn bản đã được Toà án tổng đạt, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.*

***Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn ông Võ Minh Công T có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra, ông không còn yêu cầu nào khác.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định, Tòa án tuân thủ quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông

báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:*

*[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:*

Xét nguyên đơn ông Võ Minh Công T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trả số tiền gốc còn nợ theo Xác nhận mượn tiền (không ghi ngày tháng năm) hai bên đã ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Căn hộ S Block B, số H đường A, phường T, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tòa án Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:*

Căn cứ theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông Võ Minh Công T là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Hồng N là bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Phương A1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số F đường T, Phường A, quận T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (là vợ của nguyên đơn), quá trình giải quyết vụ án, bà Phương A1 có bản tự khai trình bày bà không liên quan đến việc cho vay mượn tiền giữa ông T với bà N, yêu cầu Tòa án không triệu tập bà tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày này của bà Phương A1 phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn nên không đưa bà Phương A1 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:*

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà N vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:*

*[3.1] Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc còn nợ là 300.000.000 đồng:*

Xét Xác nhận mượn tiền (không ghi ngày tháng năm) được ký giữa ông Võ Minh Công T và bà Nguyễn Thị Hồng N thể hiện giữa ông T với bà N có phát sinh quan hệ vay mượn tiền. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 300.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[3.2]* Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi.

*[3.3] Về thời hạn thanh toán:*

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*[4].* Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

*[5] Về án phí:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 15.000.000 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng cho ông Võ Minh Công T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045652 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Minh Công T.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N có trách nhiệm trả cho ông Võ Minh Công T tổng số tiền gốc còn nợ là 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng theo Xác nhận mượn tiền (không ghi ngày tháng năm) được ký giữa ông Võ Minh Công T và bà Nguyễn Thị Hồng N.

Ghi nhận việc ông Võ Minh Công T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N phải trả tiền lãi.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngay sau khi bị đơn hoàn tất nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn thì Xác nhận mượn tiền (không ghi ngày tháng năm) được ký giữa ông Võ Minh Công T và bà Nguyễn Thị Hồng N) (bản chính do ông Võ Minh Công T đang giữ) không còn giá trị.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 7.500.000 đồng cho ông Võ Minh Công T theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045652 ngày 03/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- VKSND KV9, TPHCM;
- Phòng THADSKV9, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ (An Thành)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Kiều Oanh**

